

**BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN : NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN**  
**LỚP : KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG 21 - KHÓA 21: CHÍNH QUY - BẬC: TCCN**  
**Giảng viên phụ trách : Dương Diễm Kiều**

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
1	Trịnh Hùng An	13/05/91	0	6	4		2.0	Hai chẵn	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	04/11/90	9	8	8	8	8.0	Tám chẵn	
3	Lê Hoàng Anh	18/03/92			0		0.0	Không	
4	Nguyễn Phi Âu	05/06/91	8	9	9	7	8.0	Tám chẵn	
5	Nguyễn Thanh Bình	05/11/92	7	7	7		3.5	Ba rưỡi	
6	Hồ Thị Ngọc Bình	20/11/92	8	7	7	3	5.0	Năm chẵn	
7	Dương Chí Công	08/07/88	9	9	9	7	8.0	Tám chẵn	
8	Nguyễn Thị Phương Châu	17/05/92	8	7	7	10	8.5	Tám rưỡi	
9	Nguyễn Phúc Chinh	16/04/90			0		0.0	Không	
10	Lê Thị Thu Diễm	01/01/92	9	7	8	1	4.5	Bốn rưỡi	
11	Trương Thị Thùy Dung	01/01/90			0		0.0	Không	
12	Võ Lê Thùy Dung	05/11/92	7	9	8		4.0	Bốn chẵn	
13	Nguyễn Trường Duy	20/07/89	5	0	2		1.0	Một chẵn	
14	Huỳnh Thị Kim Duyên	27/09/91	8	8	8	2	5.0	Năm chẵn	
15	Khương Thùy Dương	25/09/92	8	8	8	4	6.0	Sáu chẵn	
16	Đỗ Anh Đào	25/02/90	8	8	8		4.0	Bốn chẵn	
17	Phạm Quốc Thiên Đạt	25/04/91	8	7	7	1	4.0	Bốn chẵn	
18	Nguyễn Tấn Điền	27/06/89			0		0.0	Không	
19	Nguyễn Thị Hoài Đức	10/12/92	8	9	9	3	6.0	Sáu chẵn	
20	Lê Thành Được	16/10/91	9	6	7		3.5	Ba rưỡi	
21	Nguyễn Thành Được	30/03/90	7	8	8		4.0	Bốn chẵn	
22	Nguyễn Thị Gám	02/08/92			0		0.0	Không	
23	Hồ Văn Giới	12/02/92	8	7	7	7	7.0	Bảy chẵn	
24	Nguyễn Kim Hà	24/10/92	8	9	9	2	5.5	Năm rưỡi	
25	Trần Đình Hải	20/09/88	8	7	7	3	5.0	Năm chẵn	
26	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	25/06/91	8	9	9		4.5	Bốn rưỡi	
27	Trần Mỹ Hảo	07/05/92			0		0.0	Không	
28	Nguyễn Kim Thể Hiền	12/04/85			0		0.0	Không	
29	Phan Thị Hiếu	25/06/91	8	8	8	2	5.0	Năm chẵn	
30	Lê Phùng Hiếu	24/02/91	6	7	7	2	4.5	Bốn rưỡi	
31	Nguyễn Trường Hóa	04/10/89	7	7	7	5	6.0	Sáu chẵn	
32	Trần Tuấn Hùng	01/09/91	8	8	8	1	4.5	Bốn rưỡi	
33	Hoàng Văn Hùng	19/12/88			0		0.0	Không	
34	Phạm Thị Thanh Huyền	05/11/90			0		0.0	Không	
35	Lý Ngọc Huỳnh	12/12/91	8	0	3		1.5	Một rưỡi	
36	Lê Như Huỳnh	18/02/92	9	10	10	5	7.5	Bảy rưỡi	
37	Đặng Thị Hương	22/05/92	8	9	9	8	8.5	Tám rưỡi	
38	Lê Thị Oanh Kiều	24/10/91	8	10	9	4	6.5	Sáu rưỡi	

ST	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm KT	Điểm KT	T.Bình	Điểm thi	Điểm	Điểm	Ghi chú
				(hệ số 1)	(hệ số 2)	Kiểm tra	kết thúc	học phần	học phần	
				(.1)	(.2)	học phần	học phần	(ghi bằng số)	(ghi bằng chữ)	
39	Tiên	Kiều	28/02/90	7	8	8	0	4.0	Bốn chẵn	
40	Phan Tuấn	Khanh	06/08/90	6	10	9		4.5	Bốn rưỡi	
41	Bùi Thị Ngọc	Liễu	16/11/90	8	9	9	3	6.0	Sáu chẵn	
42	Đặng Thị Thùy	Linh	20/02/89	9	9	9	6	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Hương	Linh	05/06/92			0		0.0	Không	
44	Nguyễn Trúc	Linh	05/06/91	8	8	8	4	6.0	Sáu chẵn	
45	Nguyễn Mai Tùng	Lĩnh	22/09/90	7	7	7	0	3.5	Ba rưỡi	
46	Ong Thị Cẩm	Loan	14/04/92	7	8	8	4	6.0	Sáu chẵn	
47	Nguyễn Minh	Luân	25/05/91	8	9	9	4	6.5	Sáu rưỡi	
48	Nguyễn Đại	Lượng	08/11/92	8	10	9	5	7.0	Bảy chẵn	
49	Vân Thị Tường	My	13/02/91	8	9	9	6	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/09/92	8	8	8	6	7.0	Bảy chẵn	
51	Huỳnh Thị Kim	Ngân	26/02/92			0		0.0	Không	
52	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	13/12/91			0		0.0	Không	
53	Nguyễn Văn	Ngoan	00/00/91	7	7	7	3	5.0	Năm chẵn	
54	Lý Thị Bảo	Ngọc	01/04/89			0		0.0	Không	
55	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	23/11/90			0		0.0	Không	
56	Nguyễn Quốc	Ngọc	12/09/91			0		0.0	Không	
57	Nguyễn Thị	Nguyệt	02/04/88	7	9	8	2	5.0	Năm chẵn	
58	Hà Văn	Nhật	07/02/90	8	0	3		1.5	Một rưỡi	
59	Đàm Thị Yến	Nhi	04/05/92	8	6	7		3.5	Ba rưỡi	
60	Nguyễn Minh	Nhật	05/10/91			0		0.0	Không	
61	Nguyễn Hữu	Phi	04/08/92	7	7	7	6	6.5	Sáu rưỡi	
62	Phạm Hồng Thiên	Phú	24/04/92	8	6	7	1	4.0	Bốn chẵn	
63	Nguyễn Mỹ	Phụng	12/05/92	7	9	8	1	4.5	Bốn rưỡi	
64	Lê Anh	Phương	28/06/90			0		0.0	Không	
65	Lê Thị Nhi	Phương	15/11/91	8	8	8	6	7.0	Bảy chẵn	
66	Đào Thanh	Phương	29/09/89	8	7	7	3	5.0	Năm chẵn	
67	Hồ Minh	Phương	10/10/91	7	7	7		3.5	Ba rưỡi	
68	Nguyễn Lý Minh	Quân	26/06/90	8	8	8		4.0	Bốn chẵn	
69	Hà Anh	Quân	27/01/89	8	8	8	2	5.0	Năm chẵn	
70	Nguyễn Hoàng	Quân	10/11/90			0		0.0	Không	
71	Tạ Văn	Quyết	10/11/90	10	10	10	10	10.0	Mười chẵn	
72	Vòng A	Sáng	17/04/90	10	10	10	6	8.0	Tám chẵn	
73	Nguyễn Anh	Tài	01/12/91	8	7	7	2	4.5	Bốn rưỡi	
74	Đỗ Đức	Tam	06/10/92	7	7	7	5	6.0	Sáu chẵn	
75	Lê Ngọc	Tánh	17/04/91	0	9	6		3.0	Ba chẵn	
76	Huỳnh Văn	Tâm	25/12/89			0		0.0	Không	
77	Đỗ Nguyễn Thùy	Tiên	08/09/92	8	10	9	3	6.0	Sáu chẵn	
78	Trần Thị Thùy	Tiên	22/11/92			0		0.0	Không	
79	Huỳnh Thị Kim	Tiến	10/11/92			0		0.0	Không	
80	Nguyễn Đức	Toàn	30/03/92	8	6	7	6	6.5	Sáu rưỡi	
81	Võ Minh	Tuấn	01/08/90	8	7	7		3.5	Ba rưỡi	
82	Dư Anh	Tuấn	30/07/91	6	7	7		3.5	Ba rưỡi	
83	Mai Thị Hồng	Tuyết	14/06/92	8	8	8	9	8.5	Tám rưỡi	

